

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HSST

Ngày: 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Cúc

2. Anh Vũ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc T, sinh năm 1987; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh: Tỉnh Nam Định; nơi thường trú: số 274 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: Số 12 B 3 tầng số 7 đường P, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; V hóa: 6/12; con ông: Bùi Huy Ph, sinh năm 1958, con bà: Trần Thị Minh Ng, sinh năm 1960; gia đình có 02 chị em bị cáo là con thứ hai; Vợ: Phạm Thị Như Th, sinh năm 1993; không có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: ngày 04-3-2004, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”; ngày 31-7-2007, bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi “Trộm cắp tài sản”, thời hạn 24 tháng; ngày 31-3-2010, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; ngày 29-11-2012, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 22-6-2016, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28-10-2023 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; (Có mặt).

- Bị hại: Anh Đỗ Thái V, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Đắc L, Đa G, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Sỹ Th, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số 18B đường Ng, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc T có quen biết từ trước với anh Đỗ Thái V, sinh năm 1988, trú tại xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Ngày 21-10-2023, T sử dụng tài khoản zalo “Bùi T” đăng ký bằng số điện thoại 0942.793.087 nhắn tin đến tài khoản zalo “V Đỗ Đen” của anh V đăng ký bằng số điện thoại 0339.167.382 để hẹn gặp anh V.

Khoảng 15 giờ ngày 22-10-2023, anh V điều khiển chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 18C1-430.50 đến đón T tại khu 3 tầng số 7 Ph, phường Tr, thành phố N. Do cần tiền tiêu xài cá nhân T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của anh V, T bảo anh V chở đến quán cà phê “Sydney” tại Lô 24 + 25 khu đô thị Dệt May, phường Tr, thành phố N uống nước. Khoảng 30 phút, T nói dối anh V mượn xe máy để đi đón bạn gái đến uống nước cùng, anh V đồng ý đưa chìa khóa xe máy. T điều khiển xe máy rời khỏi quán cà phê “Sydney” rồi gọi điện cho bạn là anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1994, trú tại xóm 7 xã Nam Vân, thành phố N hỏi nơi cầm cố xe máy. Anh Tuấn nói có anh Bùi Sỹ Thủy, sinh năm 1998, địa chỉ số 18B đường Ng, phường L, thành phố N là chủ Hồ câu 551 xã N, thành phố N. T điều khiển xe máy đến nói với anh Thủy là xe T mới mua, chưa có đăng ký và muốn cầm cố 5 triệu đồng. Sau khi thỏa thuận, anh Thủy đồng ý nhận cầm cố chiếc xe máy 4 triệu đồng, lãi suất 2000đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn cầm cố là 10 ngày. T nhận tiền (trong đó 400.000 đồng tiền mặt và 3.600.000 đồng được chuyển vào tài khoản của T số 107876258325 mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương). T viết “Giấy nhận cọc xe” sau đó thuê xe taxi về nhà. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày anh V gọi điện bảo T mang xe máy về trả, T nói dối anh V vừa vượt đèn đỏ xe không có giấy tờ nên bị Cảnh sát trật tự giữ xe tại số 9 Ch, thành phố N đang nhờ người xin nhưng chưa được. Anh V yêu cầu T ngày hôm sau phải có trách nhiệm lấy xe trả anh. Không thấy T trả xe, anh V nhiều lần gọi điện đòi, T đều nói dối xe bị Công an giữ, không có giấy tờ nên chưa xin được.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23-10-2023 T tiếp tục sử dụng tài khoản Zalo “Bùi T” nhắn tin đến tài khoản Zalo “V Đỗ Đen” của anh V nói đã nhờ được người xin xe ra, bị phạt 1.500.000 đồng, T hỏi mượn anh V số tiền trên hẹn đến ngày có lương Công ty TNHH Santerlon Travel Goods, địa chỉ: Lô B2 và 1 phần lô B3 đường D3 Khu công nghiệp H, phường M, thành phố N sẽ gửi lại. Anh V đồng ý hẹn chiều ngày 24-10-2023 cùng với T đến Công an lấy xe.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24-10-2023, anh V đi cùng với T đến trụ sở tiếp công dân của đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thành phố N tại số 9 C, phường T, thành phố N. Tại đây, T giả vờ gọi điện thoại nói chuyện với người khác, rồi nói dối anh V do xe không có đăng ký nên xin xe ra phải mất 2.000.000 đồng”. Anh V đưa T 2.000.000 đồng, T cầm tiền đi vào phòng làm Căn cước công dân của Công an thành phố N, khoảng 15 phút sau T ra nói với anh V do Công an đang họp giao ban nên chưa xin được xe phải đợi. Đến khoảng

16 giờ 30 phút cùng ngày, T nói với anh V là đã gọi điện cho người khác để xin xe nhưng hết giờ làm việc và hẹn hôm sau.

Ngày 25-10-2023, anh V nhiều lần gọi điện yêu cầu T lấy xe máy về trả, nhấn đòi lại 2000.000 đồng. T lấy các lý do khác nhau nói dối anh V để không trả lại tiền.

Đến ngày 27-10-2023, anh V mang theo giấy tờ xe, yêu cầu T đi lấy xe. Để tiếp tục che giấu hành vi, T cầm giấy tờ xe vờ đi vào trong xin xe. Lợi dụng lúc anh V không để ý, T thuê xe taxi bỏ trốn, không liên lạc với anh. Cùng ngày T nhấn tin đến tài khoản Facebook “Thủy Bùi” của anh Bùi Sỹ Th nói bán luôn chiếc xe để lấy thêm tiền nhưng anh Thủy không trả lời.

Tại Cơ quan Công an, anh Đỗ Thái V đã trình báo toàn bộ sự việc như nêu trên. Chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 18C1-430.50 là tài sản cá nhân anh V mua trả góp tại cửa hàng Honda Vũ Minh 1, địa chỉ thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định tháng 10-2023 với giá 19.200.000 đồng.

Ngày 28-10-2023 Bùi Ngọc T đã có đơn xin đầu thú, khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên và giao nộp 01 chiếc điện thoại đã cũ dùng để lừa anh V và liên hệ với anh Thủy cầm chiếc xe máy trên.

Ngày 28-10-2023 anh Bùi Sỹ Thủy giao nộp lại chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 18C1-430.50 cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N xác minh tại Đội cảnh sát Giao thông Trật tự Công an thành phố N xác định: Từ ngày 22-10-2023 đến ngày 28-10-2023 không kiểm tra, không tạm giữ chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 18C1-430.50 và không tiếp nhận, xử lý vi phạm giao thông đối với công dân Bùi Ngọc T có tên tuổi địa chỉ nêu trên. Đội cảnh sát Giao thông Trật tự Công an thành phố N chỉ có 1 trụ sở tại số 80 Nguyễn Trãi, phường Vị Hoàng, thành phố N.

Làm việc với Công ty TNHH Santerlon Travel Goods, địa chỉ: Lô B2 và 1 phần lô B3 đường D3 Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố N xác nhận: Bùi Ngọc T làm việc tại Công ty từ ngày 21-3-2023 đến ngày 23-3-2023 rồi nghỉ việc. Ngoài ra T không làm việc ở công ty nào khác.

Kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 30-10-2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N đã kết luận: Chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 18C1-430.50 trị giá 14.600.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe máy trên cho anh Đỗ Thái V.

Bản kết luận giám định số 1706/KL-KTHS ngày 08-12-2023 của Phòng Kỹ Thuật Hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 02 đoạn “Video Clip” trích xuất từ Camera an ninh lắp đặt tại quán cà phê Sydney ghi nhận lại nội dung liên quan đến vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về vấn đề dân sự: Anh Đỗ Thái V yêu cầu T bồi thường 2.000.000 đồng, anh Bùi Sỹ Thủy yêu cầu T bồi thường 4.000.000 đồng. Hiện T chưa trả số tiền trên.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKSTPNĐ ngày 05-01-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T từ 24 đến 27 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vấn đề dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Thái V số tiền 2.000.000 đồng và anh Bùi Sỹ Th số tiền 4.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động đã thu giữ;

Bị hại: Anh Đỗ Thái V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Bị cáo Bùi Ngọc T không tranh luận gì và nói lời sau cùng: Do hoàn cảnh khó khăn nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Ngọc T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 22-10-2023, tại quán cà phê “Sydney”, địa chỉ: Lô 24 + 25 khu đô thị Dệt M, phường Tr, thành phố N, Bùi Ngọc T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 18C1-430.50 trị giá 14.600.000 đồng của anh Đỗ Thái V. Sau khi lừa được anh V chiếc xe máy đã mang đi tìm người cầm cố là anh Bùi Sỹ Th số tiền 4.000.000 đồng. Ngày 24-10-2023, Bùi Ngọc T tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo anh V để chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bùi Ngọc T chiếm đoạt của anh Đỗ Thái V là

16.600.000 đồng. Hành vi của bị cáo Bùi Ngọc T đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện vì mục đích tư lợi, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, nên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Bùi Ngọc T đã thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo tự nguyện ra đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[3.2] Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Đỗ Thái V nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Ngọc T gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố N, bị cáo có nhân thân rất xấu, 04 lần bị kết án (Đã được xóa án tích) và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (Đã được xóa tiền sự), Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và góp phần phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nên quan điểm của Kiểm sát viên là tương đối phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Đối với anh Bùi Sỹ Thủy khi mua chiếc xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 18C1-430.50 không biết đây là tài sản do Bùi Ngọc T phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm pháp lý là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về bồi thường dân sự: Bị cáo Bùi Ngọc T chưa bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên anh Đỗ Thái V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, anh Bùi Sỹ Thủy yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Xét yêu cầu của anh V và anh Thủy là phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; vì vậy buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đỗ Thái V số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho anh Bùi Sỹ Thủy số tiền 4.000.000 đồng.

[8]. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 điện thoại di động đã thu giữ là vật bị cáo dùng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên sẽ tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Bùi Ngọc T bị kết án và phải bồi thường cho bị hại , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS;

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28-10-2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vấn đề dân sự: Căn cứ khoản 5 Điều 275; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bùi Ngọc T phải bồi thường cho anh Đỗ Thái V số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và bồi thường cho anh Bùi Sỹ Thủy số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động đã thu giữ trong phong bì niêm phong số 98/YCN/2024 (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N ngày 19-01-2024).

5. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Bùi Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Bùi Ngọc T và bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Công Khánh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Khánh